

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Ông Nguyễn Văn Du

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Điền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 239/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Ngọc T, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1978 tại tỉnh Thừa Thiên – Huế. Căn cước công dân: 046078011497; nơi cư trú: Số 231/2, ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L và bà Tông Thị Bích P; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án: Ngày 02/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên – Huế xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa chấp hành xong án phí); tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03/02/2024; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 6, Khu phố 1, Thị trấn thứ N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1980 và chị Trần Hồng V, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Số 372/10, khu phố T, phường M, thành phố D, tỉnh Bình Dương; cùng vắng mặt.

3. Anh Võ Sĩ Đ, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; cùng nơi cư trú: Số 24/6, đường ĐX 126, Tổ 32, Khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 11, ấp P, xã N, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Duy H, sinh năm 1996 và anh Danh D, sinh năm 1996; cùng nơi cư trú: Ấp H, xã K, thành phố C, tỉnh Cà Mau; cùng vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Đ, Khu phố 1, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kiêm T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 24/8, Đường ĐX 126, Tổ 32, Khu phố 4, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Lê T – Chủ Tiệm cầm đồ P; địa chỉ: Khu phố H, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ 11, ấp P, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Hoàng A – Chủ Tiệm cầm đồ T; địa chỉ: Số 204/A2, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 13/01/2024 đến ngày 31/01/2024, Lê Ngọc T đăng nhập tên “Tống Quốc T” truy cập vào mạng xã hội Zalo và “Chợ Tốt” tìm người đăng tin bán xe mô tô cũ để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 11/01/2024, Lê Ngọc T truy cập vào “Chợ Tốt” thấy anh Nguyễn Thanh B đăng tin bán xe mô tô Honda SH Mode, biển số 68M1-168.95 (xe do anh B đứng tên); T kết bạn với anh B nhắn tin hỏi mua xe, T hẹn anh B đem xe đến đường Nguyễn Văn Trỗi thuộc Khu phố 7, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một để mua bán.

Ngày 13/01/2024, anh B đi xe mô tô biển số 68M1-168.95 đến nơi hẹn gặp T. Sau khi xem xe, T nói anh B đưa căn cước công dân và giấy đăng ký xe cho T kiểm tra; anh B đưa cho T, T lấy điện thoại chụp lại rồi trả cho anh B; tiếp đó, T nói anh

B đưa chìa khóa xe để T thử xe. Sau khi anh B đưa xe, T đi thẳng về thành phố Thuận An; sau đó, T gọi cho chị Trần Duy H đưa xe và ảnh chụp căn cước công dân, giấy đăng ký xe của anh Bình cho chị H và nói xe của khách nhờ đem đi cầm; chị H đem xe và ảnh chụp căn cước công dân, giấy đăng ký xe của anh B đến 01 tiệm cầm đồ (chị H không nhớ tên và địa chỉ) cầm được 19.000.000 đồng; sau khi cầm được xe, chị H đem tiền về đưa cho T, T cho chị H 400.000 đồng.

Khoảng 02 giờ sau, T đi đến tiệm cầm đồ chuộc lại xe biển số 68M1-168.95 đem đi bán cho người nam (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực phường Thuận Giao, thành phố Thuận An được 20.000.000 đồng. Khi biết bị T lừa, anh Bình đến Công an phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một tố giác hành vi phạm tội của Lê Ngọc T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 07/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH Mode, màu đỏ đen, biển số 68M1-168.95, trị giá 36.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được xe mô tô biển số 68M1-168.95; anh Nguyễn Thanh B yêu cầu Lê Ngọc T bồi thường 36.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc L (bạn gái T) đã bồi thường cho anh B 36.000.000 đồng, anh B không có yêu cầu T bồi thường thêm.

Vụ thứ hai: Ngày 24/01/2024, Lê Ngọc T truy cập vào “Chợ Tốt” thấy anh Nguyễn Quang K đăng tin bán xe mô tô Honda SH 150, màu đen-trắng, biển số 59U2-192.46 (xe do chị Trần Hồng V vợ anh K đứng tên), T kết bạn Zalo với anh K và nhắn tin hỏi mua xe biển số 59U2-192.46, anh K gửi định vị nhà anh K tại số 372/10, khu phố T, phường ., thành phố D, tỉnh Bình Dương cho T.

Khoảng 11 giờ ngày 25/01/2024, T đi xe ôm đi đến nhà anh K, T nói anh K đưa căn cước công dân và giấy đăng ký xe để T kiểm tra, T cầm căn cước công dân và giấy đăng ký xe rồi lấy lý do kiểm tra động cơ, nhân lúc vợ chồng anh K, chị V không chú ý, T điều khiển xe chạy đi đến phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho một người nam (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 40.000.000 đồng. Khi thấy Lê Ngọc T không quay lại, anh Nguyễn Quang K đến Công an phường Dĩ An, thành phố Dĩ An tố giác hành vi phạm tội của Lê Ngọc T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Dĩ An, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH 150, màu đen-trắng, số máy KF26E0058772, số khung RLHKF2515GY058699, trị giá 72.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được xe biển số 59U2-192.46, chị Nguyễn Thị Ngọc L (bạn gái T) đã bồi thường cho anh K và chị V 15.000.000 đồng; anh K và chị V yêu cầu T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 57.500.000 đồng.

Ngày 24/6/2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An ban hành Quyết định số 10/QĐ-VK-DA chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để nhập vụ án điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 3: Ngày 28/01/2024, Lê Ngọc T truy cập vào Zalo thấy chị Nguyễn Thị Thúy V chia sẻ bài viết của anh Võ Sĩ Đ đăng tin bán xe mô tô Honda SH 150i, biển số 61B2-333.92 (xe do chị Nguyễn Thị Thanh H vợ anh Đ đứng tên); T nhắn tin nói chị V dẫn đến nhà anh Đ để xem xe. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/01/2024, T đến điểm hẹn và gọi cho chị V nhưng do chị V bận công việc, nên chị V nhờ chị Nguyễn Thị Kiêm T dẫn Trung đến nhà anh Đ.

Khi gặp anh Đ, T nói anh Đ đưa giấy đăng ký xe để T kiểm tra, T cầm giấy đăng ký xe và đề nghị anh Đ cho T đi thử xe; anh Đ đồng ý và giao xe Honda SH 150i, biển số 61B2-333.92 cho T; T lấy xe đi thẳng về thành phố Thuận An gặp chị Trần Duy H, T đưa giấy đăng ký xe và nói chị H đem xe biển số 61B2-333.92 đi cầm giúp cho khách của T; chị H đem xe biển số 61B2-333.92 đến Tiệm cầm đồ P, địa chỉ tại Khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An gặp anh Nguyễn Lê T (chủ tiệm) đưa xe và giấy đăng ký xe cho anh T, sau khi xem xe và giấy đăng ký xe, anh T đồng ý cầm 20.000.000 đồng; sau khi cầm được xe, chị H đem về cho T 20.000.000 đồng, T cho chị H 500.000 đồng.

Ngày 31/01/2024, chị Nguyễn Thị Thanh H đến Công an phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một tố giác về hành vi phạm tội của Trung. Ngày 03/02/2024, anh Nguyễn Lê T đến Công an thành phố Thủ Dầu Một giao nộp xe mô tô Honda SH 150i, biển số 61B2-333.92 và giấy đăng ký xe. Anh T yêu cầu Lê Ngọc T trả lại 20.000.000 đồng đã cầm xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô, hiệu Honda SH 150i, màu nâu, biển số 61B2-333.92, trị giá: 65.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2024, Cơ quan điều tra trả lại xe Honda SH 150i, màu nâu, biển số 61B2-333.92 cho chị Nguyễn Thị Thanh H, chị H không yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Vụ thứ tư: Ngày 31/01/2024, Lê Ngọc T truy cập vào “Chợ Tốt” thấy anh Nguyễn Anh T đăng tin bán xe mô tô Vario, màu đen, biển số 61G1-932.53 (xe do anh T đứng tên); T kết bạn Zalo với anh T và nhắn tin hỏi mua xe biển số 61G1-932.53 và hẹn anh T đến Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh Bình Dương để giao dịch; khoảng 16 giờ ngày 31/01/2024, anh T và vợ là chị Nguyễn Thị Yến N đi xe đến khu vực Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh Bình Dương gặp T; sau khi xem xe, T đồng ý mua và nói anh T đưa căn cước công dân và giấy đăng ký xe để T kiểm tra; anh T đưa cho T rồi T lấy điện thoại chụp ảnh căn cước công dân và trả lại cho anh T, còn giấy đăng ký xe thì nhân lúc anh T và chị N không để ý, T đã bỏ vào túi quần rồi đề nghị anh T đưa xe để chạy thử.

Sau khi nhận được xe, T điều khiển xe biển số 61G1-932.53 đi thẳng về thành phố Thuận An, T gặp anh Danh D (chồng của chị Trần Duy H) đưa giấy đăng ký xe và nói xe của khách nhờ đi cầm. Anh D đồng ý và đem xe mô tô biển số 61G1-932.53 đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ tại số 204/A2, khu phố T, phường A, thành phố Thuận An gặp anh Nguyễn Hoàng A (chủ tiệm) đưa xe và giấy đăng ký xe cho anh A, sau khi xem xe và giấy đăng ký xe, anh A đồng ý cầm 25.000.000 đồng; sau khi cầm được xe, anh Danh D đem về cho T 25.000.000 đồng, T cho D 500.000 đồng.

Ngày 03/02/2024, anh Nguyễn Anh T đến Công thành phố Thủ Dầu Một tố giác về hành vi phạm tội của T. Ngày 03/02/2024, anh Nguyễn Hoàng A đến Công thành phố Thủ Dầu Một giao xe mô tô, nhãn hiệu Vario, biển số 61G1-932.53 và giấy đăng ký xe. Anh Nguyễn Hoàng A, yêu cầu T trả 25.000.000 đồng đã cầm xe biển số 61G1-932.53.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vario 160, màu đen, biển số 61G1-932.53, trị giá 40.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2024, Cơ quan điều tra trả lại xe Honda Vario, màu đen 160, biển số 61G1-932.53 cho anh Nguyễn Anh T; anh T không yêu cầu T bồi thường thiệt hại.

Ngày 03/02/2024, Lê Ngọc T bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2021, chị Trần Duy H và anh Danh D đến làm phụ hồ cho Lê Ngọc T (T là chủ thầu xây dựng); khi được T nhờ đi cầm xe, vợ chồng anh D, chị H không biết xe do T phạm tội mà có. Khi nhận cầm xe, anh Nguyễn Lê T và anh Nguyễn Hoàng A không biết xe do T phạm tội mà có, Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra văn bản đề nghị Công an thành phố Thuận An xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T và anh A về hành vi “Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố” theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu đen thu giữ của bị cáo.

Tại Cáo trạng số 220/CT-VKSTDM ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Trung để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 8 năm đến 9 năm tù; về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi

thường cho anh Nguyễn Quang K và chị Trần Hồng V 57.500.000 đồng; buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Lê T 20.000.000 đồng và trả lại cho anh Nguyễn Hoàng A 25.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch sung vào ngân sách điện thoại đã thu giữ của bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo Lê Ngọc T nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuy nhiên, việc khởi tố, điều tra và truy tố không đúng điểm, khoản của Điều luật mà Bộ luật Hình sự quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Từ ngày 13/01/2024 đến ngày 31/01/2024, tại thành phố Thủ Dầu Một và thành phố Dĩ An, Lê Ngọc T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Nguyễn Thanh B 01 xe mô tô Honda SH Mode, màu đỏ-đen, biển số 68M1-168.95 trị giá 36.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang K và chị Trần Hồng V 01 xe mô tô Honda SH 150, màu trắng, biển số 59U2.192.46 trị giá 72.500.000 đồng; chiếm đoạt của anh Võ Sĩ Đ và chị Nguyễn Thị Thanh H 01 xe mô tô Honda SH 150i, màu nâu, biển số 61B2-333.92 trị giá: 65.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh T 01 xe mô tô Honda Vario 160, màu đen, biển số 61G1-932.53 trị giá: 40.000.000 đồng; tổng giá trị bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 213.500.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lê Ngọc T để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức chấp hành pháp luật kém, nên bị cáo đã thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật

tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo phạm tội nhiều lần. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại, một phần tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại; bị cáo có ông nội là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật. Do bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[8] Về hành vi đem xe mô tô đi cầm cho Lê Ngọc T của anh Danh D và chị Trần Duy H, do không biết xe do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Đối với anh Nguyễn Lê T và anh Nguyễn Hoàng A, khi nhận cầm xe không biết xe do T phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự mà có văn bản đề nghị Công an thành phố Thuận An xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Quang K và chị Trần Hồng V 57.500.000 đồng; đồng ý trả lại cho anh Nguyễn Lê T 20.000.000 đồng và anh Nguyễn Hoàng A 25.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về vật chứng, do bị cáo sử dụng điện thoại của bị cáo làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Buộc bị cáo Lê Ngọc T bồi thường cho anh Nguyễn Quang K và chị Trần Hồng V số tiền 57.500.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Ngọc T trả cho anh Nguyễn Lê T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Ngọc T trả cho anh Nguyễn Hoàng A số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Vivo, màu đen, số imei 869938032719099 màn hình bị nứt, thân vỏ bị trầy nhiều (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 146.24 ngày 15/7/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.125.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường